

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SAM MÚN  
TRƯỜNG THCS POM LÓT

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO ND 238/ND - CP NGÀY 03/09/2025 CỦA  
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 09 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2025

( Kèm theo QĐ số 128/QĐ-THCSPL ngày 19 tháng 9 năm 2025

| STT | Họ và tên học sinh    | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc      | Hộ khẩu thường trú       | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|------|-----|--------------|--------------------------|----------|---------|
|     |                       | Nam      | Nữ   |     |              |                          |          |         |
| 1   | Tòng Thị Phương Anh   |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Chiềng Xôm Thanh An  | 100%     |         |
| 2   | Lò Bảo Anh            |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Chiềng Xôm Thanh An  | 100%     |         |
| 3   | Nguyễn Ngọc Anh       |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Thôn 9 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 4   | Lò Thị Kiều Chinh     |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Yên Thanh An         | 100%     |         |
| 5   | Nguyễn Ngọc Bích      |          | 2013 | 6A1 | Kinh         | Thôn 6 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 6   | Lê Bảo Châu           | 2014     |      | 6A1 | Kinh         | Thôn 2 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 7   | Đỗ Bảo Châu           | 2014     |      | 6A1 | Kinh         | Bản Na Hai Sam Mứn       | 100%     |         |
| 8   | Mùa Chí Công          | 2014     |      | 6A1 | Mông         | Bản Co En, xã Mường Mùn  | 100%     |         |
| 9   | Lò Văn Cường          | 2014     |      | 6A1 | Thái         | Bản Na Ten Sam Mứn       | 100%     |         |
| 10  | Nguyễn Ngọc Diệp      |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Bản Cà Phê, Thanh An     | 100%     |         |
| 11  | Bùi Mạnh Dũng         | 2014     |      | 6A1 | Kinh         | Thôn 1 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 12  | Lò Tài Đức            | 2014     |      | 6A1 | Thái         | Bản Yên Thanh An         | 100%     |         |
| 13  | Trần Ngọc Hà          |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Thôn 5 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 14  | Quảng Lương Hoàng Hải | 2014     |      | 6A1 | Thái         | Bản Cang Thanh An        | 100%     |         |
| 15  | Lò Thanh Hằng         |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Yên, Thanh An        | 100%     |         |
| 16  | Nguyễn Trung Hiếu     | 2014     |      | 6A1 | Kinh         | Xã Duyên Long, Thanh An  | 100%     |         |
| 17  | Tòng Huy Hoàng        | 2014     |      | 6A1 | Thái         | Bản Yên Thanh An         | 100%     |         |
| 18  | Phạm Huy Hoàng        | 2014     |      | 6A1 | Kinh         | Thôn 3 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 19  | Lò Mai Hương          |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Na Có Sam Mứn        | 100%     |         |
| 20  | Nguyễn Trần An Khánh  | 2014     |      | 6A1 | Kinh         | Thôn 9 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 21  | Quảng Duy Khoa        | 2014     |      | 6A1 | Thái         | Bản Na Có Sam Mứn        | 100%     |         |
| 22  | Lò Tuấn Kiệt          | 2014     |      | 6A1 | Thái         | Bản Yên Thanh An         | 100%     |         |
| 23  | Lò Ánh Kim            |          | 2014 | 6A1 | Kháng (Giáy) | Bản Yên Thanh An         | 100%     |         |
| 24  | Lò Thị Khánh Linh     |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Chiềng Xôm Thanh An  | 100%     |         |
| 25  | Nguyễn Thị Khánh Ly   |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Thôn 3 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 26  | Trịnh Hiếu Minh       | 2014     |      | 6A1 | Kinh         | Thôn 2 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 27  | Nguyễn Hà My          |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Thôn 7B Sam Mứn          | 100%     |         |
| 28  | Nguyễn Thị Bảo Ngọc   |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Đội 10 Yên Cang Thanh An | 100%     |         |
| 29  | Quảng Dáng Ngọc       |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Na Có Sam Mứn        | 100%     |         |
| 30  | Quảng Duy Nhất        | 2014     |      | 6A1 | Thái         | Bản Na Ten Sam Mứn       | 100%     |         |
| 31  | Tòng Thị Linh Nhi     |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Yên Thanh An         | 100%     |         |
| 32  | Nguyễn Phương Ninh    |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Thôn 4 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 33  | Lò Thảo Quyên         |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Pá Nậm Sam Mứn       | 100%     |         |
| 34  | Phạm Thị Tình         |          | 2013 | 6A1 | Thái         | Bản Chiềng Xôm Thanh An  | 100%     |         |
| 35  | Vũ Thị Trang          |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Thôn 5 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 36  | Nguyễn Thị Bảo Trâm   |          | 2014 | 6A1 | Kinh         | Thôn 6 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 37  | Lò Thanh Trúc         |          | 2014 | 6A1 | Thái         | Bản Na Ten Sam Mứn       | 100%     |         |
| 38  | Nguyễn Hiếu Trung     | 2014     |      | 6A1 | Kinh         | Thôn 4 Sam Mứn           | 100%     |         |
| 39  | Lò Thế Anh            | 2014     |      | 6A2 | Thái         | Na Vai - Sam Mứn         | 100%     |         |
| 40  | Nguyễn Bảo Anh        |          | 2014 | 6A2 | Kinh         | Thôn 1 - Sam Mứn         | 100%     |         |
| 41  | Quảng Duy Bảo         | 2014     |      | 6A2 | Thái         | Na Lao - Thanh An        | 100%     |         |
| 42  | Tổng Ngọc Bích        |          | 2014 | 6A2 | Kinh         | Thôn C10 - Thanh An      | 100%     |         |
| 43  | Trịnh Ngọc Quỳnh Chi  |          | 2014 | 6A2 | Kinh         | Thôn 2 - Sam Mứn         | 100%     |         |
| 44  | Nguyễn Nhật Duy       | 2014     |      | 6A2 | Kinh         | Thôn 9 - Sam Mứn         | 100%     |         |
| 45  | Tòng Thị Đông Duyên   |          | 2014 | 6A2 | Thái         | Co My - Thanh An         | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh     | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú           | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|------------------------|----------|------|-----|---------|------------------------------|----------|---------|
|     |                        | Nam      | Nữ   |     |         |                              |          |         |
| 46  | Cà Anh Đạt             | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Na Hai - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 47  | Quảng Đức Đạt          | 2013     |      | 6A2 | Thái    | Bản Yên - Thanh An           | 100%     |         |
| 48  | Lò Hương Giang         |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Na Vai - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 49  | Cà Lê Hà               |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Na Ten - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 50  | Lò Minh Hà             |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Na Ten - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 51  | Lò Mạnh Hải            | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Yên Cang 2 - Thanh An        | 100%     |         |
| 52  | Lò Thị Thu Hoài        |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Na Lao - Thanh An            | 100%     |         |
| 53  | Nguyễn Giang Khải Hoàn | 2014     |      | 6A2 | Kinh    | B.Cang - Thanh An            | 100%     |         |
| 54  | Mai Gia Huy            | 2014     |      | 6A2 | Kinh    | Thôn 7 -Sam Mứn              | 100%     |         |
| 55  | Lò Gia Hưng            | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Na Vai - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 56  | Vì Văn Khánh           | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Na Ten - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 57  | Nguyễn Anh Khoa        | 2014     |      | 6A2 | Kinh    | Thôn 3 -Sam Mứn              | 100%     |         |
| 58  | Lường Minh Khôi        | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Na Hai - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 59  | Bùi Khánh Linh         |          | 2014 | 6A2 | Kinh    | Thôn 4 - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 60  | Quảng Tiến Lộc         | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Nà Khoang-M.Nhà              | 100%     |         |
| 61  | Lò Thị Hương Ly        |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Cà phê - Thanh An            | 100%     |         |
| 62  | Lò Thị Khánh Ly        |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Na Vai - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 63  | Trần Nhật Minh         | 2014     |      | 6A2 | Kinh    | Thôn 9- Sam Mứn              | 100%     |         |
| 64  | Lò Linh Na             |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Na Ten - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 65  | Lò Hải Nam             | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Pá Nậm - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 66  | Mùa Quyền Nga          |          | 2014 | 6A2 | Mông    | B. Nậm Pồ - xã Mường Nhé     | 100%     |         |
| 67  | Nguyễn Thị Bảo Ngọc    |          | 2014 | 6A2 | Kinh    | Thôn 6 -Sam Mứn              | 100%     |         |
| 68  | Lò Thị Ánh Nguyệt      |          | 2013 | 6A2 | Thái    | B. Cang 1 - Thanh An         | 100%     |         |
| 69  | Lê Yên Nhi             |          | 2014 | 6A2 | Kinh    | Thôn 1 - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 70  | Vì Thị Yến Nhi         |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Na Hai -Sam Mứn              | 100%     |         |
| 71  | Vì Đại Sơn             | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Nà Hỳ 1- xã Nà Hỳ            | 100%     |         |
| 72  | Lò Thị Thanh Thuý      |          | 2014 | 6A2 | Thái    | B. Cói Bánh, Ảng Cang, M.Ảng | 100%     |         |
| 73  | Lò Tuấn Tùng           | 2014     |      | 6A2 | Thái    | Yên Cang 2 - Thanh An        | 100%     |         |
| 74  | Tòng Thị Thanh Vân     |          | 2014 | 6A2 | Thái    | Na Lao - Thanh An            | 100%     |         |
| 75  | Lò Anh Vũ              | 2014     |      | 6A2 | Thái    | B.Yên - Thanh An             | 100%     |         |
| 76  | Nguyễn Thị Tường Vy    |          | 2014 | 6A2 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 77  | Phạm Hoài An           |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Bản Nậm Nền, Xã Nậm Nền      | 100%     |         |
| 78  | Vũ Nguyễn Mỹ An        |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Bản Na Hai, Sam Mứn          | 100%     |         |
| 79  | Bùi Hải Anh            |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 6, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 80  | Hoàng Quỳnh Anh        |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 6, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 81  | Nguyễn Việt Anh        | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 4, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 82  | Phạm Trần Gia Bảo      | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 5, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 83  | Lò Gia Bảo             | 2014     |      | 6A3 | Thái    | Thôn 9, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 84  | Trần Lan Chi           |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 7, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 85  | Phùng Thị Bảo Diệp     |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 7, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 86  | Tòng Thùy Dương        |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Bản Yên, Thanh An            | 100%     |         |
| 87  | Nguyễn Hải Đăng        | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Bản Yên Cang 2, Thanh An     | 100%     |         |
| 88  | Sái Hải Đạt            | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Bản Na Hai, Sam Mứn          | 100%     |         |
| 89  | Vũ Ngân Hà             |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 4, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 90  | Quảng Xuân Hà          | 2014     |      | 6A3 | Thái    | Bản Na Hai, Sam Mứn          | 100%     |         |
| 91  | Đoàn Ngọc Hà           |          | 2014 | 6A3 | Tày     | Bản Pa Có, Xã Mường Chà      | 100%     |         |
| 92  | Lò Thị Hiền            |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Bản Na Lao, Thanh An         | 100%     |         |
| 93  | Vì Trung Hiếu          | 2014     |      | 6A3 | Thái    | Bản Na Hai, Sam Mứn          | 100%     |         |
| 94  | Trần Khánh Hoàng       | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 6, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 95  | Lò Gia Hưng            | 2014     |      | 6A3 | Thái    | Bản Yên Bình, Thanh An       | 100%     |         |
| 96  | Nguyễn Văn Hưng        | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 6, Sam Mứn              | 100%     |         |
| 97  | Nguyễn Hoàng Khôi      | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 3, Sam Mứn              | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|-----------------------------------|----------|---------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                                   |          |         |
| 98  | Đỗ Bảo Lam           | 2014     |      | 6A3 | Nùng    | Thôn Đồi Cao - Thanh An           | 100%     |         |
| 99  | Trần Thanh Lâm       |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Bản Na Hai, Sam Mứn               | 100%     |         |
| 100 | Lò Hà Linh           |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Bản Na Có, Sam Mứn                | 100%     |         |
| 101 | Trần Duy Minh        | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 6, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 102 | Nhâm Phương Ngân     |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 5, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 103 | Nguyễn Thảo Nhi      |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thanh An                          | 100%     |         |
| 104 | Vì Thị Thảo Nhi      |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Na Phay 1, Mường Nhà              | 100%     |         |
| 105 | Phạm Thị Kim Oanh    |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Đội 4, Yên Cang, Thanh An         | 100%     |         |
| 106 | Đoàn Kiến Phong      | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 1, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 107 | Hoàng Công Phong     | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 4, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 108 | Nguyễn Nhật Phương   |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 6, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 109 | Tổng Mạnh Quân       | 2014     |      | 6A3 | Thái    | Bản Yên Bình, Thanh An            | 100%     |         |
| 110 | Liên Thị Hương Thảo  |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 10, Thanh An                 | 100%     |         |
| 111 | Tổng Thị Phương Thảo |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Bản Yên, Thanh An                 | 100%     |         |
| 112 | Nguyễn Hà Thư        |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 6, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 113 | Vũ Anh Thư           |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 4, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 114 | Tổng Thị Quỳnh Trang |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Bản Yên, Thanh An                 | 100%     |         |
| 115 | Lê Thùy Trang        |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 4, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 116 | Vũ Trọng Tú          | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 4, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 117 | Lò Thị Thảo Uyên     |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Bản Pá Nặm, Sam Mứn               | 100%     |         |
| 118 | Nguyễn Tiến Vinh     | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 6, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 119 | Đoàn Cao Vũ          | 2014     |      | 6A3 | Kinh    | Thôn 3, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 120 | Nguyễn Bảo Vy        |          | 2014 | 6A3 | Kinh    | Thôn 2, Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 121 | Quảng Phú Hải Yên    |          | 2014 | 6A3 | Thái    | Thanh An                          | 100%     |         |
| 122 | Trần Thị Phương Anh  |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 5, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 123 | Giàng Thế Anh        | 2014     |      | 6A4 | Mông    | Thôn 9, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 124 | Dương Bằng Bằng      |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 6, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 125 | Hà Linh Chi          |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 6, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 126 | Lưu Thị Quỳnh Chi    |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 4, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 127 | Lường Thị Chương     |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Pá Nặm, SM, ĐB                | 100%     |         |
| 128 | Hà Quốc Duy          | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Thôn 6, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 129 | Lò Thái Dương        | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Bản Yên Cang 2, Thanh An, Điện Bi | 100%     |         |
| 130 | Nguyễn Linh Đan      |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Bản Na Hai, SM, Điện Biên         | 100%     |         |
| 131 | Lù Quốc Đạt          | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Bản Na Lao, Thanh An, Điện Biên   | 100%     |         |
| 132 | Cà Hải Đăng          | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Bản Na Ten, SM,ĐB                 | 100%     |         |
| 133 | Lê Văn Đức           | 2014     |      | 6A4 | Kinh    | Thôn 7, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 134 | Lò Ánh Hà            |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Pá Nặm, SM, ĐB                | 100%     |         |
| 135 | Nguyễn Thu Hà        |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 7, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 136 | Lò Thúy Hằng         |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Pom Lót, SM, ĐB               | 100%     |         |
| 137 | Lò Ngọc Bảo Hân      |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Thanh An, Điện Biên               | 100%     |         |
| 138 | Lò Thanh Hoàn        | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Na Son, Điện Biên Đông            | 100%     |         |
| 139 | Lò Nam Khánh         | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Bản Na Vai, SM, ĐB                | 100%     |         |
| 140 | Lò Hoàng Lâm         | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Bản Na Lao, Thanh An, Điện Biên   | 100%     |         |
| 141 | Trần Phương Loan     |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Bản yên, Thanh An, Điện Biên      | 100%     |         |
| 142 | Cà Khánh Lương       | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Bản Pá Nặm, SM, ĐB                | 100%     |         |
| 143 | Lường Khánh Ly       |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Na Ten, SM, ĐB                | 100%     |         |
| 144 | Lò An Na Na          |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Pom Lót, SM, ĐB               | 100%     |         |
| 145 | Bac Thị Kim Ngân     |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Có, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 146 | Lê Bảo Ngọc          |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 7, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 147 | Vũ Nguyễn Bảo Ngọc   |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 1, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 148 | Hà Minh Nhật         | 2014     |      | 6A4 | Kinh    | Thôn 3, SM, Điện Biên             | 100%     |         |
| 149 | Lò Thị Linh Nhi      |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Na Lao, Thanh An, Điện Biên   | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh    | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú     | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|------|-----|---------|------------------------|----------|---------|
|     |                       | Nam      | Nữ   |     |         |                        |          |         |
| 150 | Lò Thiết Như          | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Na Son, Điện Biên Đông | 100%     |         |
| 151 | Lù Thị Ngọc Oanh      |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Na Có, SM, ĐB      | 100%     |         |
| 152 | Lò Mạnh Quân          | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Bản Na Vai, SM, ĐB     | 100%     |         |
| 153 | Lò Thị Như Quỳnh      |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Na Có, SM, ĐB      | 100%     |         |
| 154 | Tòng Anh Tú           | 2014     |      | 6A4 | Thái    | Bản Yên, Thanh An, ĐB  | 100%     |         |
| 155 | Vì Thị Hương Thảo     |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản yên, thanh an      | 100%     |         |
| 156 | Nguyễn Hiền Trang     |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 6 -Pom Lót        | 100%     |         |
| 157 | Lò Mai Trang          |          | 2014 | 6A4 | Thái    | Bản Na Có, SM, ĐB      | 100%     |         |
| 158 | Nguyễn Bảo Vân        |          | 2014 | 6A4 | Kinh    | Thôn 3, SM, Điện Biên  | 100%     |         |
| 159 | Nguyễn Thành Võ       | 2014     |      | 6A4 | Kinh    | Thôn 3, SM, Điện Biên  | 100%     |         |
| 160 | Nguyễn Quốc Anh       | Nam      |      | 7B1 | Kinh    | Thôn 1                 | 100%     |         |
| 161 | Lò Duy Bảo            | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Bản Yên Cang II- SM    | 100%     |         |
| 162 | Cà Thiên Bảo          | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Ten                 | 100%     |         |
| 163 | Lò Quốc Bảo           | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Vai                 | 100%     |         |
| 164 | Lò Kiều Chinh         |          | Nữ   | 7B1 | Thái    | Na Dôn - Hẹ Muông      | 100%     |         |
| 165 | Lò Thị Ngọc Diệp      |          | Nữ   | 7B1 | Thái    | Đội 11- Yên Cang - SM  | 100%     |         |
| 166 | Lường Khánh Duy       | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Dôn _ Hẹ Muông      | 100%     |         |
| 167 | Cà Xuân Đại           | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Ten                 | 100%     |         |
| 168 | Lò Khánh Đạt          | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Dôn - Hẹ Muông      | 100%     |         |
| 169 | Lò Hải Đăng           | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Vai                 | 100%     |         |
| 170 | Lường Xuân Đức        | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Ten                 | 100%     |         |
| 171 | Lại Nguyễn Hà Giang   |          | Nữ   | 7B1 | Kinh    | Thôn 4                 | 100%     |         |
| 172 | Tòng Đào Trường Giang |          | Nữ   | 7B1 | Thái    | Na Có                  | 100%     |         |
| 173 | Lò Đức Huy            | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Đội 9- Yên Cang - SM   | 100%     |         |
| 174 | Lường Gia Huy         | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Đội 2 - Yên Cang - SM  | 100%     |         |
| 175 | Lê Vĩnh Hưng          | Nam      |      | 7B1 | Kinh    | Thôn 6                 | 100%     |         |
| 176 | Phạm Bảo Khánh        | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Đội 4 - Yên Cang - SM  | 100%     |         |
| 177 | Lò Duy Khoa           | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Ten                 | 100%     |         |
| 178 | Lường Duy Kim         | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Pá Nậm                 | 100%     |         |
| 179 | Lường Thị Khánh Linh  |          | Nữ   | 7B1 | Thái    | Bản Cang - SM          | 100%     |         |
| 180 | Hứa Vũ Trà My         |          | Nữ   | 7B1 | Nùng    | Thôn 1                 | 100%     |         |
| 181 | Nguyễn Nhật Nam       | Nam      |      | 7B1 | Kinh    | Thôn 7                 | 100%     |         |
| 182 | Lò Minh Quý           | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Na Vai                 | 100%     |         |
| 183 | Tòng Phương Quỳnh     |          | Nữ   | 7B1 | Thái    | Na Lao - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 184 | Cà Thị Huyền Trang    |          | Nữ   | 7B1 | Thái    | Na Hai                 | 100%     |         |
| 185 | Quảng Thị Huyền Trang |          | Nữ   | 7B1 | Thái    | Sam Mứn - ĐB           | 100%     |         |
| 186 | Lê Thanh Trúc         |          | Nữ   | 7B1 | Kinh    | Thôn 1                 | 100%     |         |
| 187 | Quảng Thùy Trúc       |          | Nữ   | 7B1 | Thái    | Xã Mường Nhà           | 100%     |         |
| 188 | Hoàng Anh Tú          | Nam      |      | 7B1 | Kinh    | Tổ 5 -Thanh Trường     | 100%     |         |
| 189 | Lò Tuấn Tú            | Nam      |      | 7B1 | Thái    | Đội 2 - Yên Cang - SM  | 100%     |         |
| 190 | Nguyễn Xuân Ước       | Nam      |      | 7B1 | Kinh    | Thôn 5- PL             | 100%     |         |
| 191 | Nguyễn Quang Vinh     | Nam      |      | 7B1 | Kinh    | Thôn 6                 | 100%     |         |
| 192 | Nguyễn Yên Vy         |          | Nữ   | 7B1 | Kinh    | Thôn 4                 | 100%     |         |
| 193 | Nguyễn Hải Yến        |          | Nữ   | 7B1 | Kinh    | Thôn 1                 | 100%     |         |
| 194 | Quảng Linh An         |          | 2013 | 7B2 | Thái    | Pá Nậm - Pom Lót       | 100%     |         |
| 195 | Lò Thị Quỳnh Anh      |          | 2013 | 7B2 | Thái    | Na Dôn - Hẹ Muông      | 100%     |         |
| 196 | Lò Việt Anh           | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Bản Yên - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 197 | Lò Quốc Bảo           | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Na Dôn - Hẹ Muông      | 100%     |         |
| 198 | Nguyễn Giang Bảo      | 2013     |      | 7B2 | Tày     | Bản Nà Hỳ 1- xã Nà Hỳ  | 100%     |         |
| 199 | Lò Thanh Bình         | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Bản Pom Lót (Thôn 8)   | 100%     |         |
| 200 | Lò Mạnh Cường         | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Bản Na Lao - SM        | 100%     |         |
| 201 | Dương Khánh Duy       | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Bản Cang - SM          | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh     | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                 | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|------------------------|----------|------|-----|---------|------------------------------------|----------|---------|
|     |                        | Nam      | Nữ   |     |         |                                    |          |         |
| 202 | Trần Thị Mỹ Duyên      |          | 2013 | 7B2 | Kinh    | Na Hai - Pom Lót                   | 100%     |         |
| 203 | Nguyễn Trung Dũng      | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Thôn 1- Pom Lót                    | 100%     |         |
| 204 | Nguyễn Thiên Thành Đô  | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Đồng lộ 1- Xã Tề Lỗ - Tỉnh Phú Thọ | 100%     |         |
| 205 | Lò Đức Giang           | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Bản Pom Lót (Thôn 8)               | 100%     |         |
| 206 | Trần Thị Hương Giang   |          | 2013 | 7B2 | Kinh    | Thôn 6 - Pom Lót                   | 100%     |         |
| 207 | Nguyễn Lò Hồng Hà      |          | 2013 | 7B2 | Thái    | Bản Na Lao - SM                    | 100%     |         |
| 208 | Lò Huy Hoàng           | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Na Vai (Thôn 10 –PL)               | 100%     |         |
| 209 | Lò Anh Huy             | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Đội 6- Na Lao - SM                 | 100%     |         |
| 210 | Lò Việt Hùng           | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Bản Na Lao - SM                    | 100%     |         |
| 211 | Lò Quốc Khánh          | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Bản Na Lao - SM                    | 100%     |         |
| 212 | Đào Đức Khải           | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Tân Biên- Noong Hết                | 100%     |         |
| 213 | Lò Nhật Linh           | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Na Có( Đội 13)- PL                 | 100%     |         |
| 214 | Vũ Ngọc Mai            |          | 2013 | 7B2 | Kinh    | Thôn 5 –Pom Lót                    | 100%     |         |
| 215 | Phan Nguyễn Trường Mir | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Thị xã Mường Lay                   | 100%     |         |
| 216 | Lê Bảo Nam             | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Thôn 4 - Pom Lót                   | 100%     |         |
| 217 | Lường Trần Nghĩa       | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Thôn C9- Thanh Xương               | 100%     |         |
| 218 | Lò Thị Yến Nhi         |          | 2013 | 7B2 | Thái    | Na Hai – Pom Lót                   | 100%     |         |
| 219 | Quảng Trần Tuấn Tài    | 2013     |      | 7B2 | Thái    | Đội 8,Yên Cang, SM                 | 100%     |         |
| 220 | Phạm Hà Thanh          |          | 2013 | 7B2 | Kinh    | Lam Sơn- Thọ Xuân- Thanh Hoá       | 100%     |         |
| 221 | Lò Phương Thảo         |          | 2013 | 7B2 | Thái    | Na Có - Pom Lót                    | 100%     |         |
| 222 | Lê Thị Đoan Trang      |          | 2013 | 7B2 | Kinh    | Thôn 4 - Pom Lót                   | 100%     |         |
| 223 | Đỗ Nhã Uyên            |          | 2013 | 7B2 | Kinh    | Tia Ghênh- Keo Lôm-ĐBĐ             | 100%     |         |
| 224 | Nguyễn Văn Viên        | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Thôn 5 - Pom Lót                   | 100%     |         |
| 225 | Lê Trọng Việt          | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Thôn 1- Pom Lót                    | 100%     |         |
| 226 | Tô Minh Vũ             | 2013     |      | 7B2 | Kinh    | Thôn 6 - Pom Lót                   | 100%     |         |
| 227 | Lò Thị Hà Vy           |          | 2013 | 7B2 | Thái    | Na Ten - Pom Lót                   | 100%     |         |
| 228 | Lò Thị Hải Yến         |          | 2013 | 7B2 | Thái    | Bản Co My - SM                     | 100%     |         |
| 229 | Quảng Thị Lan Anh      |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Xã Phình Giàng                     | 100%     |         |
| 230 | Trần Đức Anh           | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | Thôn 4. Sam Mứn                    | 100%     |         |
| 231 | Trần Mai Bảo Anh       |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Thôn 3-Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 232 | Lò Gia Bảo             | 2013     |      | 7B3 | Thái    | Na Vai-Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 233 | Mai Linh Chi           |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Xã Nậm Tăm- Lai Châu               | 100%     |         |
| 234 | Trần Văn Dương         | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | Hắt Hẹ - Núa Ngam                  | 100%     |         |
| 235 | Hứa Hoàng Hải          | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | Thôn 4-Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 236 | Lò Thủy Hằng           |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Na Có- Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 237 | Tổng Công Hoan         | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | Bản Cang- Thanh An                 | 100%     |         |
| 238 | Nguyễn Chúc Kim Hồng   |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Bản Cang - Thanh An                | 100%     |         |
| 239 | Nguyễn Thu Huyền       |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Bản Cang - Thanh An                | 100%     |         |
| 240 | Đình Gia Khánh         | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | Thôn 3- Sam Mứn                    | 100%     |         |
| 241 | Lê Duy Khánh           | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | P.hường Mường Thanh                | 100%     |         |
| 242 | Lò Thị Hà Linh         |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Na Có-Sam Mứn                      | 100%     |         |
| 243 | Nguyễn Khánh Linh      |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Thôn 7-Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 244 | Nguyễn Trần Hà Linh    |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Thôn 3-Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 245 | Lê Khánh Ly            |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Hắt Hẹ - Núa Ngam                  | 100%     |         |
| 246 | Nguyễn Ngọc Hà Ly      |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Xã Phình Giàng                     | 100%     |         |
| 247 | Khúc Hoàng Khánh Ly    |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Thôn 4-Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 248 | Lò Thị Trà My          |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Pá Nậm-Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 249 | Quảng Thị Ly Na        |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Na Hai-Sam Mứn                     | 100%     |         |
| 250 | Lò Thị Khánh Ngọc      |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Bản Cà Phê - Thanh An              | 100%     |         |
| 251 | Lò Thị Tuyết Nhi       |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Na Có-Sam Mứn                      | 100%     |         |
| 252 | Quảng Thị Huyền Oanh   |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Yên Cang II- Thanh An              | 100%     |         |
| 253 | Lò Minh Quân           | 2013     |      | 7B3 | Thái    | Pá Nậm-Sam Mứn                     | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú      | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|-------------------------|----------|---------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                         |          |         |
| 254 | Trần Thị Tâm         |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Hát Hẹ - Núa Ngam       | 100%     |         |
| 255 | Phạm Thị Thanh Thanh |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Yên Cang II- Thanh An   | 100%     |         |
| 256 | Nguyễn Sỹ Thành      | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | Na Hai-Sam Mứn          | 100%     |         |
| 257 | Nguyễn Đoan Trang    |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Thôn 9-Sam Mứn          | 100%     |         |
| 258 | Lò Thanh Trúc        |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Na Có-Sam Mứn           | 100%     |         |
| 259 | Nguyễn Mạnh Tùng     | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | Thôn 4-Sam Mứn          | 100%     |         |
| 260 | Lê Công Vinh         | 2013     |      | 7B3 | Kinh    | Pá Nậm-Sam Mứn          | 100%     |         |
| 261 | Quảng Thị Hà Vy      |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Bản Co Mỵ - Thanh An    | 100%     |         |
| 262 | Trần Hà Vy           |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Thôn 1-Sam Mứn          | 100%     |         |
| 263 | Trần Hà Vy           |          | 2013 | 7B3 | Kinh    | Thôn 4 - Sam Mứn        | 100%     |         |
| 264 | Lường Như Ý          |          | 2013 | 7B3 | Thái    | Yên Cang - Thanh An     | 100%     |         |
| 265 | Nguyễn Thị Ngọc Anh  |          | 2013 | 7B4 | Kinh    | Thôn 9 - SM             | 100%     |         |
| 266 | Lường Thị Ngọc Ánh   |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Ten - SM             | 100%     |         |
| 267 | Nguyễn Ngọc Bảo      | 2013     |      | 7B4 | Kinh    | Hát Hẹ - Núa Ngam       | 100%     |         |
| 268 | Lò Thị Thùy Chi      |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Vai - SM             | 100%     |         |
| 269 | Lò Văn Chính         | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Na Có - SM              | 100%     |         |
| 270 | Lò Văn Công          | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Na Vai - SM             | 100%     |         |
| 271 | Lường Mạnh Dũng      | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Na Dôn - H.Muông        | 100%     |         |
| 272 | Lò Văn Điệp          | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Na Vai - SM             | 100%     |         |
| 273 | Quảng Duy Hoàng      | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Bản Yên - Thanh An      | 100%     |         |
| 274 | Quảng Thị Mai Hồng   |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Vai - SM             | 100%     |         |
| 275 | Bùi An Huy           | 2013     |      | 7B4 | Mường   | Hát Hẹ - Núa Ngam       | 100%     |         |
| 276 | Tòng Kim Khánh       |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Yên Cang 2- Thanh An    | 100%     |         |
| 277 | Nguyễn Minh Kiên     | 2013     |      | 7B4 | Kinh    | Thôn 1 - SM             | 100%     |         |
| 278 | Nguyễn Thanh Liêm    | 2013     |      | 7B4 | Kinh    | Thôn 2 - SM             | 100%     |         |
| 279 | Quảng Nhật Linh      | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Pa Kín - Na Tông        | 100%     |         |
| 280 | Cà Thị Hồng Ngân     |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Vai - SM             | 100%     |         |
| 281 | Trần Trung Nghĩa     | 2013     |      | 7B4 | Kinh    | Cang 2 - Thanh An       | 100%     |         |
| 282 | Nguyễn Thị Yến Nhi   |          | 2013 | 7B4 | Kinh    | Thôn 2 - SM             | 100%     |         |
| 283 | Lò Văn Đức Phong     | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Na Hai - SM             | 100%     |         |
| 284 | Lường Duy Phúc       | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Đon Đứa- Thanh An       | 100%     |         |
| 285 | Lò Tâm Quyết         | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Yên Cang- Thanh An      | 100%     |         |
| 286 | Lò Thị Như Quỳnh     |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Hai - SM             | 100%     |         |
| 287 | Tòng Đức Tâm         | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Bản Yên - Thanh An      | 100%     |         |
| 288 | Vì Dương Tiểu Thảo   |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Ten - SM             | 100%     |         |
| 289 | Tòng Thị Quyên Thảo  |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Hai - SM             | 100%     |         |
| 290 | Lò Xuân Thắng        | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Na Ten - SM             | 100%     |         |
| 291 | Nguyễn Đức Thịnh     | 2013     |      | 7B4 | Kinh    | Thôn 6 - SM             | 100%     |         |
| 292 | Lò Thị Thanh Trà     |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Yên Cang 2- Thanh An    | 100%     |         |
| 293 | Cà Thị Minh Trang    |          | 2012 | 7B4 | Thái    | Pá Nậm - SM             | 100%     |         |
| 294 | Lò Anh Tuấn          | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Na Dôn - H. Muông       | 100%     |         |
| 295 | Nguyễn Duy Tuấn      | 2013     |      | 7B4 | Kinh    | Thôn 5- SM              | 100%     |         |
| 296 | Tòng Thị Minh Tuệ    |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Hai- SM              | 100%     |         |
| 297 | Quảng Thị Hà Vi      |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Na Lao- Thanh An        | 100%     |         |
| 298 | Vì Anh Vinh          | 2013     |      | 7B4 | Thái    | Na Hai - SM             | 100%     |         |
| 299 | Lò Thị Hải Yến       |          | 2013 | 7B4 | Thái    | Thanh Xuân - SM         | 100%     |         |
| 300 | Lò Đức Anh           | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Na Có-Sam Mứn       | 100%     |         |
| 301 | Cà Ngọc Bích         |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Na Có-Sam Mứn       | 100%     |         |
| 302 | Lò Quỳnh Châm        |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Na Lao-Thanh An     | 100%     |         |
| 303 | Nguyễn Thị Linh Chi  |          | 2012 | 8C1 | Kinh    | Thôn 1 - Sam Mứn        | 100%     |         |
| 304 | Lê Mạnh Cường        | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Cang-Thanh An       | 100%     |         |
| 305 | Lò Khánh Duy         | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Yên Cang 2-Thanh An | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|-----------------------------------|----------|---------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                                   |          |         |
| 306 | Nguyễn Chí Dũng      | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 9 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 307 | Khúc Duy Đạt         | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 4 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 308 | Lò Đức Đạt           | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Na Có-Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 309 | Trần Bảo Diệp        | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 2- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 310 | Lò Duy Đức           | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Cang-Thanh An                 | 100%     |         |
| 311 | Trịnh Minh Đức       | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 2- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 312 | Đỗ Xuân Hải          | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 5 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 313 | Lường Thị Hạnh       |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Pom Lót-Sam Mứn               | 100%     |         |
| 314 | Lò Trọng Hiếu        | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Na Hai - Sam Mứn              | 100%     |         |
| 315 | Lường Văn Ken        | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Pá Nậm - Sam Mứn              | 100%     |         |
| 316 | Vì Tuấn Long         | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Na Ten - Sam Mứn              | 100%     |         |
| 317 | Nguyễn Bảo Long      | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 4 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 318 | Dương Thế Ngọc       | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 319 | Cà Thị Phương Ngọc   |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Na Ten - Sam Mứn              | 100%     |         |
| 320 | Lò Thế Nguyên        | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Na Vai- Sam Mứn               | 100%     |         |
| 321 | Lê Hữu Phước         | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 1 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 322 | Lường Lê Quyền       |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Pá Nậm - Sam Mứn              | 100%     |         |
| 323 | Lò Thị Thu Thảo      |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Yên Cang 2-Thanh An           | 100%     |         |
| 324 | Cà Anh Thế           | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Cang-Thanh An                 | 100%     |         |
| 325 | Đặng Thu Thủy        |          | 2012 | 8C1 | Kinh    | Thôn 2- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 326 | Lò Hồng Thủy         |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Pá Nậm - Sam Mứn              | 100%     |         |
| 327 | Trần Huyền Trang     |          | 2012 | 8C1 | Kinh    | Thôn 1 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 328 | Lò Uyên Trinh        |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Pá Nậm-Sam Mứn                | 100%     |         |
| 329 | Quảng Văn Tuấn       | 2012     |      | 8C1 | Thái    | Bản Na Hai-Sam Mứn                | 100%     |         |
| 330 | Nguyễn Ngọc Thùy Vân |          | 2012 | 8C1 | Kinh    | Thôn 4 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 331 | Quảng Thị Vân        |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Bản Na Có-Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 332 | Lò Hà Vi             |          | 2012 | 8C1 | Thái    | Đội 10-Sam Mứn                    | 100%     |         |
| 333 | Phạm Thế Vinh        | 2012     |      | 8C1 | Kinh    | Thôn 1 - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 334 | Lò Bảo An            | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Bản Na Ten- Sam Mứn               | 100%     |         |
| 335 | Quảng Bảo An         | 2012     |      | 8C2 | Thái    | B. Yên Cang 2- Thanh An           | 100%     |         |
| 336 | Lò Thị Anh           |          | 2012 | 8C2 | Thái    | Na Hai- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 337 | Nguyễn Thị Ngọc Anh  |          | 2012 | 8C2 | Kinh    | Thôn 9- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 338 | Trần Mai Tùng Bách   | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn 3- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 339 | Lò Thị Bảo Châm      |          | 2012 | 8C2 | Thái    | Bản Na ten-Sam Mứn                | 100%     |         |
| 340 | Lò Thị Linh Chi      |          | 2012 | 8C2 | Thái    | Bản Na Vai- Sam Mứn               | 100%     |         |
| 341 | Tông Thị Ngọc Diệp   |          | 2012 | 8C2 | Thái    | Bản Yên- Thanh An                 | 100%     |         |
| 342 | Hà Anh Dũng          | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn 5- - Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 343 | Trần Ngọc Dương      | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn 6- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 344 | Lò Văn Hân           | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Bản Na ten-Sam Mứn                | 100%     |         |
| 345 | Vũ Trung Hiếu        | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Bản Na Hai- Sam Mứn               | 100%     |         |
| 346 | Lò Văn Huy           | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Bản Na Lao- Thanh An              | 100%     |         |
| 347 | Quảng Phương Huy     | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Bản Na Lao- Thanh An              | 100%     |         |
| 348 | Lò Văn Khánh         | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Na Hai- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 349 | Nguyễn Duy Khánh     | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn 1- Sam Mứn                   | 100%     |         |
| 350 | Quảng Anh Kiệt       | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Na Ten - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 351 | Lò Nguyễn Ngọc Lâm   | 2012     |      | 8C2 | Lào     | Bản Trung Tâm- Mường Luân- ĐB     | 100%     |         |
| 352 | Lò Thị Thuý Linh     |          | 2012 | 8C2 | Thái    | Bản Pom Lót - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 353 | Lò Văn Linh          | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Na Có- - Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 354 | Trần Nhật Minh       | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Bản Xa Dung B- xã Xa Dung- tỉnh Đ | 100%     |         |
| 355 | Cà Thị Thủy Nga      |          | 2012 | 8C2 | Thái    | Bản Co My- Thanh An               | 100%     |         |
| 356 | Trần Đăng Phúc       | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thanh Chung- Thanh Nưa            | 100%     |         |
| 357 | Lò Minh Phương       | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Na Hai - Sam Mứn                  | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh     | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú              | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|------------------------|----------|------|-----|---------|---------------------------------|----------|---------|
|     |                        | Nam      | Nữ   |     |         |                                 |          |         |
| 358 | Nguyễn Nhật Quân       | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Thôn 9- Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 359 | Phạm Thê Quang         | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn 1- Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 360 | Lường Thị Ngọc Sen     |          | 2011 | 8C2 | Thái    | Bản Na Ten- - Sam Mứn           | 100%     |         |
| 361 | Hoàng Minh Tâm         | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn Tân Biên- Thanh An         | 100%     |         |
| 362 | Trần Bảo Thiên         | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn 6 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 363 | Lường Duy Thức         |          | 2012 | 8C2 | Thái    | Bản Na Ten- Sam Mứn             | 100%     |         |
| 364 | Quảng Thu Thủy         | 2012     |      | 8C2 | Thái    | Bản Na Ten- Sam Mứn             | 100%     |         |
| 365 | Nguyễn Thị Huyền Trang |          | 2012 | 8C2 | Kinh    | Thôn 5- Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 366 | Đỗ Đức Trường          | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn 7- Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 367 | Phạm Anh Tuấn          | 2012     |      | 8C2 | Thái    | B.Chiềng Xôm- Thanh An          | 100%     |         |
| 368 | Lò Thị Cẩm Vy          |          | 2012 | 8C2 | Thái    | Huổi Phạ- Him Lam- TP ĐBP       | 100%     |         |
| 369 | Đinh Thị Yến Vy        |          | 2012 | 8C2 | Mường   | Chiềng Chung- Thanh An          | 100%     |         |
| 370 | Nguyễn Văn Vỹ          | 2012     |      | 8C2 | Kinh    | Thôn 2-Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 371 | Cà Trí An              | 2012     |      | 8C3 | Thái    | Thôn 8 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 372 | Nguyễn Bình An         |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Na Cô Sa 1 - Quảng Lâm          | 100%     |         |
| 373 | Lò Nguyễn Bảo          | 2012     |      | 8C3 | Thái    | Đội 12-Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 374 | Nguyễn Minh Châu       |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Bản Na Vai - Sam Mứn            | 100%     |         |
| 375 | Phan Ngọc Bảo Châu     |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Đội 4- Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 376 | Lường Quỳnh Chi        |          | 2012 | 8C3 | Thái    | Bản Na Hai- Sam Mứn             | 100%     |         |
| 377 | Lò Ngọc Duy            | 2012     |      | 8C3 | Thái    | Đội 18 -Thanh An                | 100%     |         |
| 378 | Trần Nguyễn Dư         | 2012     |      | 8C3 | Kinh    | Bản Cang - Thanh An             | 100%     |         |
| 379 | Nguyễn Thị T. Dương    |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Đội 1- Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 380 | Lò Thủy Hà             |          | 2012 | 8C3 | Thái    | Bản Phiềng Muông A- Phình Giàng | 100%     |         |
| 381 | Nguyễn Văn Hà          | 2012     |      | 8C3 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 382 | Phạm Mạnh Hà           | 2012     |      | 8C3 | Kinh    | Thôn 6 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 383 | Nguyễn Bảo Ngọc Hân    |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 384 | Đinh Đỗ Hoàng Hải      | 2012     |      | 8C3 | Mường   | Thôn 3 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 385 | Trần Văn Huy           | 2012     |      | 8C3 | Kinh    | Bản Cang II- Thanh An           | 100%     |         |
| 386 | Vũ Quang Huy           | 2012     |      | 8C3 | Kinh    | Thôn 4 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 387 | Trần Thị Ngọc Huyền    |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 10 - Thanh An              | 100%     |         |
| 388 | Cà Thị Ngọc Linh       |          | 2012 | 8C3 | Thái    | Na Hai - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 389 | Nguyễn Thị Diệu Linh   |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 4 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 390 | Lê Đoàn Khánh Ly       |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 9 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 391 | Hoàng Chi Mai          |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 392 | Lò Thảo May            |          | 2012 | 8C3 | Thái    | Bản Cang - Thanh An             | 100%     |         |
| 393 | Phạm Minh Minh         |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 1- Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 394 | Nguyễn Hà My           |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 3-Sam Mứn                  | 100%     |         |
| 395 | Nguyễn Hà Thảo My      |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Bản Phiềng Muông A- Phình Giàng | 100%     |         |
| 396 | Nguyễn Thu Nga         |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Đội 2 - Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 397 | Nguyễn Bảo Ngân        |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 7 -Sam Mứn                 | 100%     |         |
| 398 | Phan Dương Bích Ngọc   |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Bản Nậm Ngà 2 - Nà Hỳ           | 100%     |         |
| 399 | Hoàng Cao A. Nguyệt    |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 400 | Hà Minh Nhật           | 2012     |      | 8C3 | Kinh    | Bản Huổi Hộc- Nậm Kè            | 100%     |         |
| 401 | Lường Thị Diệp Nhi     |          | 2012 | 8C3 | Thái    | Bản Cang - Thanh An             | 100%     |         |
| 402 | Lường Thị Yến Nhi      |          | 2012 | 8C3 | Thái    | Bản Cang II- Thanh An           | 100%     |         |
| 403 | Nguyễn Thúy Nhi        |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Bản Cang II- Thanh An           | 100%     |         |
| 404 | Tòng Thị Lê Quyên      |          | 2012 | 8C3 | Thái    | Bản Yên- Thanh An               | 100%     |         |
| 405 | Nguyễn Vũ N. Quỳnh     |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 10- Sam Mứn                | 100%     |         |
| 406 | Lò Thái Sơn            | 2012     |      | 8C3 | Thái    | Bản Cang - Thanh An             | 100%     |         |
| 407 | Lò Thị Minh Tâm        |          | 2012 | 8C3 | Thái    | Thôn 10 -Sam Mứn                | 100%     |         |
| 408 | Nguyễn Thu Trang       |          | 2012 | 8C3 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn                | 100%     |         |
| 409 | Vũ Gia Tuệ             | 2012     |      | 8C3 | Nùng    | Thôn 10 - Thanh An              | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú        | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|---------------------------|----------|---------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                           |          |         |
| 410 | Lò Tuấn Anh          | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na Có - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 411 | Nguyễn Thị Hoài Anh  |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Bản Pá Nậm - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 412 | Bạc Cẩm Gia Bảo Bảo  | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Pá Nậm - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 413 | Bùi Kim Chi          |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Thôn 4 - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 414 | Lò Văn Duy           | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na hai - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 415 | Lò Văn Duy           | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Co Mỹ - Thanh An      | 100%     |         |
| 416 | Quảng Mạnh Dũng      | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na Vai - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 417 | Cà Hải Đăng          | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na Vai - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 418 | Nông Thành Đạt       | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na Hai - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 419 | Lường Văn Hiệp       | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na Ten - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 420 | Lò Đình Huy          | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Yên Cang 2 - Thanh An | 100%     |         |
| 421 | Hà Quang Huy         | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Pá Nậm - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 422 | Tông Bảo Huy         | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Yên - Thanh An        | 100%     |         |
| 423 | Lò Văn Khải          | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Cà Phê - Thanh An     | 100%     |         |
| 424 | Nguyễn Duy Lâm       | 2012     |      | 8C4 | Kinh    | Thôn 6 - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 425 | Lò Phương Linh       |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Bản Na Có - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 426 | Lò Thị Trà My        |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Bản Yên - Thanh An        | 100%     |         |
| 427 | Nguyễn Hà My         |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Bản Cang - Thanh An       | 100%     |         |
| 428 | Lường Thị Ly Na      |          | 2012 | 8C4 | Thái    | bản Na Dôn - Mường Nhà    | 100%     |         |
| 429 | Quảng Anh Ngọc       | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na Có - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 430 | Trần Thị Bảo Ngọc    |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Hát Hẹ - Núa Ngam         | 100%     |         |
| 431 | Nguyễn Minh Nguyệt   |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 432 | Hoàng Nhi            |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Bản Na hai - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 433 | Lò Tâm Như           |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Bản Na Có - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 434 | Lò Quỳnh Như         |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Bản Yên Cang 2 - Thanh An | 100%     |         |
| 435 | Tông Khánh Phương    | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Yên - Thanh An        | 100%     |         |
| 436 | Lò Hồng Quyết        | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na hai - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 437 | Cà Duy Thoai         | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Thôn 3 - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 438 | Lò Thị Hoài Thư      |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Bản Co Mỹ - Thanh An      | 100%     |         |
| 439 | Nguyễn Ngọc Anh Thư  |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Thôn 1 - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 440 | Lò Mai Trang         |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Bản Na Có - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 441 | Cà Thị Thu Trang     |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Bản Na hai - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 442 | Quảng Thị Thanh Trúc |          | 2012 | 8C4 | Thái    | Yên Cang - Thanh An       | 100%     |         |
| 443 | Lò Anh Tuấn          | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na Có - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 444 | Hoàng Thảo Vân       |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Thôn 6 - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 445 | Trịnh Quang Vinh     | 2012     |      | 8C4 | Kinh    | Bản Na hai - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 446 | Lò Anh Vũ            | 2012     |      | 8C4 | Thái    | Bản Na Có - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 447 | Phạm Phương Vy       |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Thôn 7 - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 448 | Trần Thị Minh Yến    |          | 2012 | 8C4 | Kinh    | Hát Hẹ - Núa Ngam         | 100%     |         |
| 449 | Quảng Mai Anh        |          | 2012 | 8C5 | Thái    | Bản Cang - T.An           | 100%     |         |
| 450 | Nguyễn Ngọc Bảo Châu |          | 2012 | 8C5 | Kinh    | Thôn 7 - SM               | 100%     |         |
| 451 | Lò Thị Dung          |          | 2012 | 8C5 | Thái    | Bản Na Có - SM            | 100%     |         |
| 452 | Lò Quốc Dũng         | 2012     |      | 8C5 | Thái    | Bản Yên - T.An            | 100%     |         |
| 453 | Vì Ánh Dương         | 2012     |      | 8C5 | Thái    | Bản Na Hai - SM           | 100%     |         |
| 454 | Lò Tiến Đạt          | 2012     |      | 8C5 | Thái    | Bản Cang - T.An           | 100%     |         |
| 455 | Đào Thị Thu Hà       |          | 2012 | 8C5 | Thái    | Tổ 10 - MT - ĐB           | 100%     |         |
| 456 | Lò Văn Thế Hải       | 2012     |      | 8C5 | Thái    | Bản Na Vai - SM           | 100%     |         |
| 457 | Nguyễn Đăng Hồng Hải | 2012     |      | 8C5 | Kinh    | Thôn 5 - SM               | 100%     |         |
| 458 | Bùi Diệu Hương       |          | 2012 | 8C5 | Kinh    | Thôn 3 - SM               | 100%     |         |
| 459 | Quảng Thị Linh Hương |          | 2012 | 8C5 | Thái    | Bản Na Ten - SM           | 100%     |         |
| 460 | Vũ Minh Khánh        |          | 2012 | 8C5 | Kinh    | Thôn 6 - SM               | 100%     |         |
| 461 | Lường Minh Khải      | 2012     |      | 8C5 | Thái    | Bản Na Ten - SM           | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh    | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc  | Hộ khẩu thường trú           | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|------|-----|----------|------------------------------|----------|---------|
|     |                       | Nam      | Nữ   |     |          |                              |          |         |
| 462 | Cà Thị Khánh Linh     |          | 2012 | 8C5 | Thái     | Bản Pá Nậm - SM              | 100%     |         |
| 463 | Nguyễn Thị Hà Linh    |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Thôn 2 - SM                  | 100%     |         |
| 464 | Nguyễn Trà Mi         |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Thôn 9 - SM                  | 100%     |         |
| 465 | Đặng Trần Ngọc Minh   |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Thôn 4 - SM                  | 100%     |         |
| 466 | Lưu Đình Minh         | 2012     |      | 8C5 | Thái     | Thôn 4 - SM                  | 100%     |         |
| 467 | Phạm Quỳnh Nga        |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Thôn 1 - SM                  | 100%     |         |
| 468 | Lò Thị Ngân           |          | 2012 | 8C5 | Thái     | Na Hai - SM                  | 100%     |         |
| 469 | Bùi Thảo Nhi          |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Thôn 2 - SM                  | 100%     |         |
| 470 | Phạm Thị Anh Nhi      |          | 2012 | 8C5 | Thái     | Bản Chiềng Sôm - T.An        | 100%     |         |
| 471 | Nguyễn Thị Nhung      |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Thôn 4 - SM                  | 100%     |         |
| 472 | Quảng Thị Yên Như     |          | 2012 | 8C5 | Thái     | Na Tông 1 - Na Tông          | 100%     |         |
| 473 | Lê Trọng Phong        | 2012     |      | 8C5 | Kinh     | Nay Lưa - TX M. Lay          | 100%     |         |
| 474 | Vũ Phong              | 2012     |      | 8C5 | Kinh     | Thôn 4 - SM                  | 100%     |         |
| 475 | Vũ Thanh Phong        | 2012     |      | 8C5 | Kinh     | Thôn 6 - SM                  | 100%     |         |
| 476 | Trần Lan Phương       |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Thôn 3 - SM                  | 100%     |         |
| 477 | Lường Minh Quân       | 2012     |      | 8C5 | Thái     | Bản Na Vai - SM              | 100%     |         |
| 478 | Tông Thị Như Quỳnh    |          | 2012 | 8C5 | Thái     | Na Ten - SM                  | 100%     |         |
| 479 | Trần Thị Như Quỳnh    |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Đại Thành - N. Luổng         | 100%     |         |
| 480 | Vì Trí Thông          | 2012     |      | 8C5 | Thái     | Na Hai - SM                  | 100%     |         |
| 481 | Lường Văn Thức        | 2012     |      | 8C5 | Thái     | Bản Pom Lót - SM             | 100%     |         |
| 482 | Lê Thị Thùy Trang     |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Hát Hẹ - Núa Ngam            | 100%     |         |
| 483 | Nguyễn Thị Thanh Trúc |          | 2012 | 8C5 | Kinh     | Thôn 3 - SM                  | 100%     |         |
| 484 | Nguyễn Duy Vinh       | 2012     |      | 8C5 | Kinh     | Thôn 6 - SM                  | 100%     |         |
| 485 | Lường Bảo Nguyên      | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Bản Đon Đưa - Thanh An       | 100%     |         |
| 486 | Quảng Thị Quỳnh       |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Đội 8 - Yên Cang - Thanh An  | 100%     |         |
| 487 | Dương Phương Thảo     |          | 2011 | 9D1 | Kinh     | Thôn 6 - Xã Sam Mứn          | 100%     |         |
| 488 | Lường Phương Thảo     |          | 2011 | 9D1 | Xinh Mun | Chiềng Sơ- Điện Biên Đông    | 100%     |         |
| 489 | Cà Văn Thắng          | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Na Hai - Xã Sam Mứn          | 100%     |         |
| 490 | Lò Thị Bảo Thi        |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Na Hai - Xã Sam Mứn          | 100%     |         |
| 491 | Lò Thị Khánh Thi      |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Na hai - XãSam Mứn           | 100%     |         |
| 492 | Quảng Thị Ngọc Tiên   |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Bản Co My- Thanh An          | 100%     |         |
| 493 | Lò Mạnh Tùng          | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Bản Na Dôn - Hẹ Muông        | 100%     |         |
| 494 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Đội 10- Xã Thanh An          | 100%     |         |
| 495 | Hà Minh Châu          |          | 2011 | 9D1 | Kinh     | Đội 3 - Xã Sam Mứn           | 100%     |         |
| 496 | Lò Nam Chung          | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Bản Co My- Sam mứn           | 100%     |         |
| 497 | Lê Thành Đạt          | 2011     |      | 9D1 | Kinh     | Đội 1 - Xã Sam Mứn           | 100%     |         |
| 498 | Vì Thị Thùy Dung      |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Đội 13( Na Có) - Xã Sam Mứn  | 100%     |         |
| 499 | Cà Văn Duy            | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Đội 11 Na Ten - Sam Mứn      | 100%     |         |
| 500 | Quảng Anh Duy         | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Bản Đon Đưa -Thanh An        | 100%     |         |
| 501 | Phạm Minh Hiếu        | 2011     |      | 9D1 | Kinh     | Đội 5 - Xã Sam Mứn           | 100%     |         |
| 502 | Trần Tiên Hưng        | 2011     |      | 9D1 | Kinh     | Đội 1 - Xã Sam Mứn           | 100%     |         |
| 503 | Lò Quốc Hùng          | 2011     |      | 9D1 | Kinh     | Bản Đon Đưa - Thanh An       | 100%     |         |
| 504 | Lò Thị Hương          |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Bản Cang 1- Thanh An         | 100%     |         |
| 505 | Lò Quang Huy          | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Bản Co My- Thanh An          | 100%     |         |
| 506 | Lò Trung Kiên         | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Đội 10( Na Vai)- Xã Sam Mứn  | 100%     |         |
| 507 | Lường Duy Nhật        | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Đội 12( Pá nậm)- -Sam Mứn    | 100%     |         |
| 508 | Quảng Thùy Nhi        |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Đội 7 - Yên Cang 1- Thanh An | 100%     |         |
| 509 | Lò Thị Kim Nhung      |          | 2011 | 9D1 | Thái     | Đội 13( Na Có) - Xã Sam Mứn  | 100%     |         |
| 510 | Nguyễn Hồng Lương     | 2011     |      | 9D1 | Kinh     | Hất Hẹ - Xã Núa Ngam         | 100%     |         |
| 511 | Nguyễn Thị Lệ Quyên   |          | 2011 | 9D1 | Kinh     | Đội 4 - Xã Sam Mứn           | 100%     |         |
| 512 | Lường Hoàng Sơn       | 2011     |      | 9D1 | Thái     | Bản Pom Lót- XãSam Mứn       | 100%     |         |
| 513 | Nguyễn Tiến Tài       | 2011     |      | 9D1 | Kinh     | Bản Yên Cang 2- Thanh An     | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú          | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|-----------------------------|----------|---------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                             |          |         |
| 514 | Lò Duy Thiện         | 2011     |      | 9D1 | Thái    | Đội 13( Na Có) - Xã Pom Lót | 100%     |         |
| 515 | Cà Thị Minh Thư      |          | 2011 | 9D1 | Thái    | Bản Cang I -Thanh An        | 100%     |         |
| 516 | Lê ThanhThúy         |          | 2011 | 9D1 | Kinh    | Đội 2 - Xã Sam Mứn          | 100%     |         |
| 517 | Nguyễn BảoTrâm       |          | 2011 | 9D1 | Kinh    | Đội 2 - Xã Sam Mứn          | 100%     |         |
| 518 | Nguyễn XuânTrường    | 2011     |      | 9D1 | Kinh    | Đội 6 - Xã Sam Mứn          | 100%     |         |
| 519 | Lò Thị ThảoVân       |          | 2011 | 9D1 | Thái    | Đội 4 Yên Cang -Thanh An    | 100%     |         |
| 520 | Nguyễn Thị Hồng Vi   |          | 2011 | 9D1 | Kinh    | Đội 5 - Xã Sam Mứn          | 100%     |         |
| 521 | Quảng Lâm Vũ         | 2011     |      | 9D1 | Thái    | Bản Yên Bình- Thanh An      | 100%     |         |
| 522 | Lò Tuấn Anh          | 2011     |      | 9D2 | Kh.mú   | Yên Bình - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 523 | Nguyễn Phúc Gia Bảo  |          | 2011 | 9D2 | Kinh    | Bản Cang II - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 524 | Nguyễn Trí Bảo       | 2011     |      | 9D2 | Kinh    | Thôn 10-Yên Cang - Sam Mứn  | 100%     |         |
| 525 | Liên Thị Ngọc Bích   | 2011     |      | 9D2 | Kinh    | Thôn 10 -Yên Cang - Sam Mứn | 100%     |         |
| 526 | Vi Thị Mai Chi       |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Bản Chiềng Xôm - Sam Mứn    | 100%     |         |
| 527 | Nguyễn Ngọc Diệp     |          | 2011 | 9D2 | Kinh    | Thôn 2 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 528 | Lò Phạm Tiến Dũng    | 2011     |      | 9D2 | Thái    | Yên Cang II - Sam Mứn       | 100%     |         |
| 529 | Lò Nam Dương         | 2011     |      | 9D2 | Thái    | Bản Yên –S.M                | 100%     |         |
| 530 | Vũ Hải Đăng          | 2011     |      | 9D2 | Kinh    | Thôn 6 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 531 | Nguyễn Văn Hải       | 2011     |      | 9D2 | Kinh    | Thôn 5 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 532 | Đỗ Thị Diễm Hằng     |          | 2011 | 9D2 | Kinh    | Thôn 4 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 533 | Vũ Ngọc Gia Hân      |          | 2011 | 9D2 | Kinh    | Thôn 6 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 534 | Quảng Tuấn Hoàng     | 2011     |      | 9D2 | Thái    | Bản Na Dôn - Hẹ Muông       | 100%     |         |
| 535 | Lưu Vĩnh Huy         | 2011     |      | 9D2 | Kinh    | Thôn 3 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 536 | Khúc Duy Tuấn Kiệt   | 2011     |      | 9D2 | Kinh    | Thôn 4 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 537 | Lường Thanh Liêm     | 2011     |      | 9D2 | Thái    | Bản Yên Cang II – Sam Mứn   | 100%     |         |
| 538 | Nguyễn Hà Linh       |          | 2011 | 9D2 | Kinh    | Đội 4 - Yên Cang - Sam Mứn  | 100%     |         |
| 539 | Vi Khánh Ly          |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Thôn 6 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 540 | Đào Quang Nghĩa      | 2011     |      | 9D2 | Kinh    | Đội 2 - Pom Lót             | 100%     |         |
| 541 | Lê Minh Nguyễn       | 2011     |      | 9D2 | Kinh    | Thôn 4 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 542 | Lò Thị Bích Nhi      |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Đội 10 – P.Lót              | 100%     |         |
| 543 | Nguyễn Thị Yến Nhi   |          | 2011 | 9D2 | Kinh    | Thôn 5 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 544 | Nguyễn Minh Quân     |          | 2011 | 9D2 | Kinh    | Thôn 6 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 545 | Lù Thị Ng.Quyên      |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Na Lao - S.Mứn              | 100%     |         |
| 546 | Lường Anh Quý        | 2011     |      | 9D2 | Thái    | Na Hai - Pom Lót            | 100%     |         |
| 547 | Lò Văn Tài           | 2011     |      | 9D2 | Thái    | Bản Cang - Sam Mứn          | 100%     |         |
| 548 | Lò Huy Thịnh         | 2011     |      | 9D2 | Thái    | Na Vai - Pom Lót            | 100%     |         |
| 549 | Lò Minh Thư          |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Na Có - Pom Lót             | 100%     |         |
| 550 | Lò Huy Toàn          | 2011     |      | 9D2 | Thái    | Co Mỹ - Sam Mứn             | 100%     |         |
| 551 | Nguyễn T Huyền Trang |          | 2011 | 9D2 | Kinh    | Thôn 1 - Pom Lót            | 100%     |         |
| 552 | Lò Bảo Trâm          |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Pá Nậm- Pom Lót             | 100%     |         |
| 553 | Lò Thu Trâm          |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Bản Pom Lót - Pom Lót       | 100%     |         |
| 554 | Lò Thị Ánh Tuyết     |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Yên Cang I – Sam Mứn        | 100%     |         |
| 555 | Vi Thị Hoài Vui      |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Na Hai - Pom Lót            | 100%     |         |
| 556 | Lò Thị Hà Vy         |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Na Có- Pom Lót              | 100%     |         |
| 557 | Lò Thị Tường Vy      |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Na Hai I – P.Lót            | 100%     |         |
| 558 | Lò Minh Châu         |          | 2011 | 9D2 | Thái    | Điện Biên Đông              | 100%     |         |
| 559 | Nguyễn Tuấn Anh      | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Thôn 5 - Pom Lót- SM        | 100%     |         |
| 560 | Nguyễn Việt Anh      | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Thôn 6 - Pom Lót - SM       | 100%     |         |
| 561 | Quảng Thị Ngọc Anh   |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Bản Na Hai 2 - Pom Lót      | 100%     |         |
| 562 | Nguyễn Vũ Bảo        | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Đội 2 - Pom Lót - SM        | 100%     |         |
| 563 | Vũ Lam Châu          |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | Đội 3 - Pom Lót - SM        | 100%     |         |
| 564 | Cà Việt Cường        | 2011     |      | 9D3 | Thái    | Bản Cang 2 - Thanh An       | 100%     |         |
| 565 | Vì Hà Giang          |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Bản Na Có - Pom Lót - SM    | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh    | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú         | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------|----------|---------|
|     |                       | Nam      | Nữ   |     |         |                            |          |         |
| 566 | Nguyễn Đức Hải        | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Thôn 4 - Pom Lót - SM      | 100%     |         |
| 567 | Cà Thị Hiền           |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Bản Na Hai 2 - Pom Lót     | 100%     |         |
| 568 | Hà Thị Hoan           |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Đội 12 -Pom Lót - SM       | 100%     |         |
| 569 | Trịnh Gia Huy         | 2011     |      | 9D3 | Nùng    | Bản Huổi Múa - Keo Lôm     | 100%     |         |
| 570 | Cà Thị Thu Huyền      |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Đội 10 - Pom Lót - SM      | 100%     |         |
| 571 | Hoàng Khánh Hưng      | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Bản Huổi Múa - Keo Lôm     | 100%     |         |
| 572 | Lò Duy Khánh          | 2011     |      | 9D3 | Thái    | Bản Na Có - Pom Lót - SM   | 100%     |         |
| 573 | Nguyễn Duy Khánh      | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Thôn 7 - Pom Lót - SM      | 100%     |         |
| 574 | Nguyễn Quang Linh     | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Phiêng Muông A- Pú Hồng    | 100%     |         |
| 575 | Vì Đức Mạnh           | 2011     |      | 9D3 | Thái    | Đội 1 - Yên Cang - T.An    | 100%     |         |
| 576 | Đặng Diễm My          |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | Thôn 9 - Pom Lót -SM       | 100%     |         |
| 577 | Bùi Hải Nam           | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Thôn 6 - Pom Lót - SM      | 100%     |         |
| 578 | Lò Yên Như            |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Bản Yên Cang 2 - T.An      | 100%     |         |
| 579 | Trần Thị Minh Phương  |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | Thôn 6 - Pom Lót - SM      | 100%     |         |
| 580 | Tòng Thúy Thành       |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Đội 17 - Noong Het - T.An  | 100%     |         |
| 581 | Tòng Thị Phương Thảo  |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Đội 3 - Yên Cang - T.An    | 100%     |         |
| 582 | Nguyễn Quang Thắng    | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Đội 2 - Yên Cang - T.An    | 100%     |         |
| 583 | Trần Quang Thắng      | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Thôn 5 - Pom Lót- SM       | 100%     |         |
| 584 | Lò Thái Thịnh         | 2011     |      | 9D3 | Thái    | Đội 8 - Yên Cang -T.An     | 100%     |         |
| 585 | Nguyễn Trần Tâm Tinh  |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | Thôn 10 - T.An             | 100%     |         |
| 586 | Nguyễn Thị Thùy Trang |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | Đội 7 - Yên Cang - T.An    | 100%     |         |
| 587 | Quảng Thị Huyền Trang |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Đội 13 - Pom Lót - SM      | 100%     |         |
| 588 | Lò Thị Mai Trâm       |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Bản Na Hai 2 - Pom Lót- SM | 100%     |         |
| 589 | Lò Anh Tuấn           | 2011     |      | 9D3 | Thái    | Bản Na Pheo - Na Sang      | 100%     |         |
| 590 | Đoàn Việt Tùng        | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Thôn 4 - Pom Lót - SM      | 100%     |         |
| 591 | Đinh Thị Thanh Tú     |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | NMXM Điện Biên             | 100%     |         |
| 592 | Lò Thị Thu Uyên       |          | 2011 | 9D3 | Thái    | Đội 5 - Yên Cang - T.An    | 100%     |         |
| 593 | Nguyễn Thu Uyên       |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | Thôn 2 - Pom Lót - SM      | 100%     |         |
| 594 | Lương Thị Vân         |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | NMXM Điện Biên             | 100%     |         |
| 595 | Nguyễn Quang Vinh     | 2011     |      | 9D3 | Kinh    | Bản Tia Mung A- Noong U    | 100%     |         |
| 596 | Vũ Thị Khánh Vy       |          | 2011 | 9D3 | Kinh    | Đội 23 - Noong Het - T.An  | 100%     |         |
| 597 | Cà Văn An             | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Đội 11 - P.Lót             | 100%     |         |
| 598 | Bac Quốc An           | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Đội 12 - P.Lót             | 100%     |         |
| 599 | Lò Bảo An             | 2011     |      | 9D4 | Thái    | C. Xôm-S.Mứn               | 100%     |         |
| 600 | Lê Văn Cường          | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 7 - P.Lót              | 100%     |         |
| 601 | Lò Khánh Duy          | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Đội 12 ( Pá Nâm)- P.Lót    | 100%     |         |
| 602 | Nguyễn Anh Dũng       | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Thôn 6 - P.Lót             | 100%     |         |
| 603 | Nguyễn Thành Đạt      | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Thôn 2 - P.Lót             | 100%     |         |
| 604 | Lò Minh Đức           | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Na Hai - P.Lót             | 100%     |         |
| 605 | Lò Văn Hào            | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Đội 11 - P.Lót             | 100%     |         |
| 606 | Lò Thu Huệ            |          | 2011 | 9D4 | Thái    | Na Hai - P.Lót             | 100%     |         |
| 607 | Lò Bảo Hưng           | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Đội 12( Pá Nâm) - P.Lót    | 100%     |         |
| 608 | Nguyễn Đăng Hưng      | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 9- P.Lót               | 100%     |         |
| 609 | Lò Thị Khánh Huyền    |          | 2011 | 9D4 | Thái    | Đon đũa - S.Mứn            | 100%     |         |
| 610 | Lò Chấn Khang         | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Đội 14 -P.Lót              | 100%     |         |
| 611 | Nguyễn Bảo Khang      | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 7 - P.Lót              | 100%     |         |
| 612 | Tòng Duy Khánh        | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Bản Yên - S.Mứn            | 100%     |         |
| 613 | Đoàn Hồng Khánh       | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 2-YC- S.Mứn            | 100%     |         |
| 614 | Hà Phương Linh        |          | 2011 | 9D4 | Kinh    | Đội 6 - P.Lót              | 100%     |         |
| 615 | Lò Đức Long           | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Na Lao - S.Mứn             | 100%     |         |
| 616 | Nguyễn Sỹ Long        | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 14 - Pom Lót           | 100%     |         |
| 617 | Quảng Văn Long        | 2010     |      | 9D4 | Thái    | Yên Cang - S.Mứn           | 100%     |         |

| STT | Họ và tên học sinh  | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú     | Mức miễn | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------|------|-----|---------|------------------------|----------|---------|
|     |                     | Nam      | Nữ   |     |         |                        |          |         |
| 618 | Lò Quang Minh       | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Co My- S.Mứn           | 100%     |         |
| 619 | Trần Công Minh      | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 3- P.Lót           | 100%     |         |
| 620 | Lường Thị Thuỷ Ngân |          | 2011 | 9D4 | Thái    | Yên Cang 2 - S.Mứn     | 100%     |         |
| 621 | Lò Thị Thanh Nhân   |          | 2011 | 9D4 | Thái    | Đội 11 - P.Lót         | 100%     |         |
| 622 | Phạm Huy Nhật       | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Đội 4- chiềng xôm-SM   | 100%     |         |
| 623 | Quàng Thị Yến Nhi   |          | 2011 | 9D4 | Thái    | Na Hai - Pom Lót       | 100%     |         |
| 624 | Lò Thị Kiều Oanh    |          | 2011 | 9D4 | Thái    | Na Hai - Pom Lót       | 100%     |         |
| 625 | Đỗ Minh Sơn         | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 14 -P.Lót          | 100%     |         |
| 626 | Quàng Ngọc Sơn      | 2011     |      | 9D4 | Thái    | Na Lao - S.Mứn         | 100%     |         |
| 627 | Lò Thị Thanh Thanh  |          | 2011 | 9D4 | Thái    | Đội 13-P.Lót           | 100%     |         |
| 628 | Nguyễn Xuân Thành   | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Lại Xuân - Thuỷ Nguyên | 100%     |         |
| 629 | Nguyễn Phương Thảo  |          | 2011 | 9D4 | Kinh    | Đội 7 - P.Lót          | 100%     |         |
| 630 | Tòng Thị Huyền Trâm |          | 2011 | 9D4 | Thái    | Đội 13-P.Lót           | 100%     |         |
| 631 | Nguyễn Đình Tuấn    | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 14 -thanh an       | 100%     |         |
| 632 | Dương Đức Vương     | 2011     |      | 9D4 | Kinh    | Đội 4- xã Pom Lót      | 100%     |         |